

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ Điều 212, 213, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1097/2018/HNST ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 61 đường T, H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở: Số 34/4/4 tổ 2, ấp 3, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 61 đường T, H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D có một con chung tên Huỳnh Mẫn Đ, sinh ngày 05/7/2010. Khi ly hôn hải bên thỏa thuận giao trẻ Đ cho ông Huỳnh Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Kim T do ông D không yêu cầu. Thỏa thuận về con chung của bà T, ông D phù hợp với quy định tại các Điều 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117; 118; 119 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung : Bà T và ông D xác nhận không có;

[4] Về nợ chung : Bà T và ông D xác nhận không có;

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông D và bà T đã nộp theo Biên lai số 0012045 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T , TP. Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2010 ngày 18/3/2010 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T , Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** Ông Huỳnh Văn D trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Mẫn Đ, sinh ngày 05/7/2010. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Kim T do ông D không yêu cầu.

Bà Nguyễn Kim T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung :** Bà T và ông D xác nhận không có;

- **Về nợ chung :** Bà T và ông D xác nhận không có;

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Kim T và ông Huỳnh Văn D chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông D và bà T đã nộp theo Biên lai số 0012045 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T , Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP HCM;
- VKSND quận T ;
- Chi cục THADS quận T ;
- UBND phường H, quận T , Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

Phan Huỳnh Hoàng Phương